

Số: 03/2019/QĐST-HS

Hải Phòng, ngày 04 tháng 11 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH
ĐÌNH CHỈ GIẢI QUYẾT PHẢN DÂN SỰ TRONG VỤ ÁN HÌNH SỰ

Căn cứ vào các điều 48, 217, 218, 219 và khoản 2 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 281 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Căn cứ Bản án hình sự phúc thẩm số 806/2019/HS-PT ngày 10/12/2018 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội;

Sau khi nghiên cứu vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 26/2019/TLST-HS ngày 31 tháng 01 năm 2019 đối với:

Bị cáo: Phạm Ngọc S, sinh ngày 23/11/1955 tại QN; Nơi ĐKTT: Đường NTP, phường 14, quận 10, thành phố HCM. Nơi cư trú: PDL, phường 5, quận PN, thành phố HCM.

Bị cáo: Nguyễn Thị Mỹ D, sinh năm 1962 tại BD; Nơi ĐKTT và chỗ ở: LHP, phường DH, thành phố PLK, tỉnh GL.

Nguyên đơn dân sự:

1. CTCP VC; trụ sở: Đường QT, quận HB, thành phố HP.

Đại diện theo pháp luật: Ông Vũ Đình H – Tổng Giám đốc Công ty.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của CTCP VC: Ông Phùng Khắc L – Luật sư của Công ty Luật 1 – 5 thuộc Đoàn Luật sư thành phố Hải Phòng.

2. CT CP VT VT; trụ sở: BG, phường 8, thành phố VT, tỉnh BR.

Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Viết Tr – Giám đốc.

Bị hại: Bà Nguyễn Thị Thúy H, sinh năm 1970 – Giám đốc CTCP dịch vụ trường học QM; địa chỉ: Phố PT, phường PT, quận TH, thành phố HNi.

Xét thấy:

1. Bị cáo Phạm Ngọc S sinh ngày 23/11/1955 tại QN; đăng ký thường trú: Đường NTP, phường 14, quận 10, thành phố HCM; nơi cư trú: PDL, phường 5, quận PN, thành phố HCM (đã chết ngày 28/9/2017) (Bút lục số 2079);

2. Theo lý lịch và các tài liệu có trong hồ sơ thể hiện: Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị cáo Phạm Ngọc S gồm:

Bố: Ông Phạm Thái H và Mẹ: Bà Phan Thị Mỹ H (đều đã chết);

Vợ thứ nhất: Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1955; trú tại: HN, QN;

Vợ thứ hai: Bà Mai Thị T, sinh năm 1964; trú tại: Ấp BT, BD, huyện BD, tỉnh BT;

Con gái: Phạm Thị Anh T, sinh năm 1975; trú tại: Thôn 2, xã CH, HN, QN và Mai Huỳnh Bảo T, sinh năm 1995; trú tại: BD, BD, BT;

Con trai: Phạm Tuấn K, sinh năm 1977; trú tại: NTL, BT, thành phố HCM.

Tuy nhiên qua xác minh, qua các tài liệu, chứng cứ mà các đương sự cung cấp thể hiện nội dung: Hiện không xác định được tài sản của bị cáo và cũng không xác định được địa chỉ nơi cư trú hiện tại của những người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị cáo.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Đình chỉ giải quyết phần dân sự trong vụ án hình sự thụ lý số 26/2019/TLST-HS ngày 31 tháng 01 năm 2019 đối với bị cáo Phạm Ngọc S sinh ngày 23/11/1955 tại QN; đăng ký thường trú: Đường NTP, phường 14, quận 10, thành phố HCM; cư trú: PDL, phường 5, quận PN, thành phố HCM.

2. Hậu quả của việc đình chỉ giải quyết vụ án: CTCP VC; CT CP VT VT và Bà Nguyễn Thị Thúy H có quyền khởi kiện yêu cầu phần dân sự trong vụ án nếu thấy có căn cứ.

3. CTCP VC; CT CP VT VT và Bà Nguyễn Thị Thúy H có quyền kháng cáo, Viện Kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định này trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận được quyết định hoặc kể từ ngày quyết định được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- Vụ 1;
- Tòa án ND cấp cao;
- VKSND cấp cao;
- VKSND TP Hải Phòng;
- PV27 Công an TP Hải Phòng;
- Cục THADS TP Hải Phòng;
- Sở Tư pháp TPHP;
- Người tham gia tố tụng;
- Phòng KTNV và THA
- Lưu: HS, HCTP.

THẨM PHÁN

Phạm Thị Thanh Bình

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 45-DS:

(1) Ghi tên Tòa án ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự; nếu Tòa án ra quyết định là Tòa án nhân dân cấp huyện cần ghi rõ tên tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Tòa án nhân dân huyện Nghi Xuân, tỉnh Thanh Hoá). Nếu Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, thì ghi rõ Tòa án nhân dân tỉnh, (thành phố) nào (ví dụ: Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội).

(2) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm ra quyết định (ví dụ: số 02/2017/QĐST-KDTM).

(3) Ghi cụ thể lý do của việc đình chỉ giải quyết vụ án dân sự thuộc trường hợp nào quy định tại Điều 217 hoặc các điều luật khác của Bộ luật tố tụng dân sự (ví dụ: xét thấy nguyên đơn là cá nhân đã chết mà quyền, nghĩa vụ của họ không được thừa kế quy định tại điểm a khoản 1 Điều 217 của Bộ luật tố tụng dân sự).

(4) Ghi số, ngày tháng năm thụ lý vụ án (ví dụ: số 50/2017/TLST-KDTM).

(5) Ghi quan hệ tranh chấp mà Tòa án giải quyết: Cần xác định tranh chấp mà Tòa án thụ lý giải quyết được quy định tại Điều, khoản nào của Bộ luật tố tụng dân sự, để ghi vào phần trích yếu của bản án (ví dụ: Tranh chấp mà Tòa án thụ lý giải quyết là tranh chấp về quốc tịch Việt Nam giữa cá nhân với cá nhân được quy định tại khoản 1 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự thì ghi: “tranh chấp về quốc tịch Việt Nam giữa cá nhân với cá nhân”).

(6), (7) và (8) Nếu nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là cá nhân, thì ghi họ tên và địa chỉ của cá nhân đó; nếu là cơ quan, tổ chức, thì ghi tên, địa chỉ trụ sở của cơ quan, tổ chức đó (ghi theo đơn khởi kiện).

(9) Tùy vào từng trường hợp đình chỉ vụ án cụ thể mà ghi hậu quả của việc đình chỉ giải quyết vụ án quy định tại Điều 218 của Bộ luật tố tụng dân sự, (kể cả về tiền tạm ứng án phí).

(10) Tùy từng trường hợp cụ thể mà ghi tên cơ quan, tổ chức, cá nhân khởi kiện (nếu có).

Mẫu số 39-HS (Ban hành kèm theo Nghị quyết số 05/2017/NQ-HĐTP ngày 19 tháng 9 năm 2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao)

TÒA ÁN.....⁽¹⁾

Số:...../.....⁽²⁾/HSST-QĐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm.....

**QUYẾT ĐỊNH
ĐÌNH CHỈ VỤ ÁN**

TÒA ÁN⁽³⁾

Căn cứ các điều 45, 277 và 282 của Bộ luật Tố tụng hình sự;
Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số:.../.../TLST-HS
ngày...tháng...năm...
Xét thấy:⁽⁴⁾

QUYẾT ĐỊNH:

- Đình chỉ vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số:.../.../TLST-HS
ngày...tháng...năm...đối với bị can:⁽⁵⁾
Bị Viện kiểm sát⁽⁶⁾
Truy tố về tội (các tội)⁽⁷⁾
Theo điểm (các điểm).....khoản (các khoản).....Điều (các điều)..... Bộ
luật Hình sự.
 - Quyết định này có thể bị kháng cáo, kháng nghị và có hiệu lực kể từ ngày
hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị. Vụ án sẽ được tiếp tục giải quyết khi có Quyết
định phục hồi vụ án.
- 3⁽⁸⁾

Nơi nhận:

- ⁽⁹⁾

- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 39-HS:

(1) và (3) ghi tên Tòa án nhân dân xét xử sơ thẩm; nếu là Tòa án nhân dân cấp huyện thì cần ghi tên Tòa án nhân dân huyện gì thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh H); nếu là Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi tên Tòa án nhân dân tỉnh (thành phố) nào (ví dụ: Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội); nếu là Tòa án quân sự khu vực cần ghi thêm quân khu (Tòa án quân sự Khu vực 1, Quân khu 4).

(2) ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm ra Quyết định (ví dụ: 16/2017/HSST-QĐ).

(4) ghi rõ trường hợp đình chỉ vụ án theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự (ví dụ: Xét thấy người thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội chưa đến tuổi chịu trách nhiệm hình sự).

(5) ghi đầy đủ họ tên, ngày, tháng, năm sinh, nơi sinh, nơi cư trú, nghề nghiệp của bị can đầu vụ; nếu có nhiều bị can thì ghi thêm “và đồng phạm”. Trường hợp bị can là pháp nhân thương mại thì ghi tên, địa chỉ trụ sở chính, tên người đại diện theo pháp luật.

(6) ghi tên Viện kiểm sát cùng cấp.

(7) ghi tội danh bị truy tố theo cáo trạng.

(8) ghi hậu quả của việc đình chỉ vụ án (việc huỷ bỏ biện pháp ngăn chặn, trả lại đồ vật, tài liệu đã tạm giữ (nếu có) và những vấn đề khác có liên quan).

(9) Viện kiểm sát cùng cấp, bị can, người bào chữa cho bị can, bị hại.